

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17- 5 -2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Chế

2. Ông Vũ Hùng Vương

- Thư ký phiên toà: Bà Vương Thị Minh Khuê - Thư ký viên Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022, về việc: Ly hôn, nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Năm U; địa chỉ: Tổ 18, phường N, TP.H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Anh Lương Anh T; địa chỉ: Tổ 18, phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang. Hiện đang chấp hành án tại K, trại giam Q, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn xin ly hôn ngày 24/02/2022; bản tự khai ngày 13/3/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Đỗ Năm U khai, chị và anh

Lương Anh T kết hôn ngày 27/06/2008, đăng ký kết hôn tại UBND phường N, TP H, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không chịu làm ăn, chơi bời dẫn đến việc nghiện ma túy. Sau đó anh T lại vi phạm pháp luật và bị xử phạt tù, phải đi chấp hành án trong thời gian dài, dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh T nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Theo nội dung bản tự khai ngày 31/3/2022 bị đơn, anh Lương Anh T khai: Anh T xác nhận thời gian, địa điểm kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như chị U khai là đúng. Do anh đang phải đi chấp hành án phạt tù nên nhất trí ly hôn với chị U.

- Về con chung:

Chị U khai chị và anh T có hai con chung là cháu Lương Phương A, sinh ngày 25/11/2008 và cháu Lương Ngọc Á, sinh ngày 16/7/2016. Ly hôn chị U xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Anh và cháu Á, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T xác nhận, anh và chị Út có hai con chung là cháu Lương Phương A, sinh ngày 25/11/2008 và cháu Lương Ngọc Á, sinh ngày 16/7/2016. Ly hôn anh T nhất trí để cho chị U nuôi con chung.

- Tài sản chung, công nợ chung: Chị U và anh T xác nhận không có.

Quá trình Tòa án giải quyết: Do anh T đang phải chấp hành án tại trại giam Q và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Do vậy, Tòa án không thực hiện được việc hòa giải và giải quyết vụ án vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa: Chị U giữ nguyên quan điểm về việc ly hôn và việc nuôi con chung; tài sản chung, công nợ chung không có.

* Quan điểm của Đại diện VKS thành phố H, tỉnh Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Năm U được ly hôn với anh Lương Anh T.

+ Về con chung: Giao cho chị Đỗ Năm U trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lương Phương A, sinh ngày 25/11/2008 và cháu Lương Ngọc Á, sinh ngày 16/7/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lương Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

+ Án phí: Chị Đỗ Năm U phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Năm U và anh Lương Anh T cùng có địa chỉ: Tổ 18, phường N, TP.H, theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình các đương sự yêu cầu giải quyết về Ly hôn, nuôi con chung. Như vậy, đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về nội dung vụ án: Chị Đỗ Năm U và anh Lương Anh T đăng ký kết hôn ngày 27/6/2008, tại UBND phường N, TP. H, tỉnh Hà Giang do tự nguyện. Như vậy, hôn nhân giữa chị U và anh T là hợp pháp.

[4]. Lý do chị Đỗ Năm U xin ly hôn: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Lương Anh T vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án tại trại giam, làm cho cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, nên chị U xin được ly hôn với anh T.

[5]. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Năm U là phù hợp bởi lẽ: Quá trình chung sống chị U và anh T không có hạnh phúc. Nguyên nhân anh T không chịu khó làm ăn, chơi bời và nghiện ma túy, sau đó anh T đã vi phạm pháp luật dẫn đến việc phải đi chấp hành án phạt tù trong thời gian dài, không giúp đỡ được cho chị U trong công việc gia đình, phát triển kinh tế, nuôi dạy con chung. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng của anh, chị bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Anh T cũng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra và anh nhất trí ly hôn. Căn cứ biên bản làm

việc ngày 29/4/2022 tại cơ quan Quản lý Nhà nước về gia đình và trẻ em đã xác định được cuộc hôn nhân của anh, chị lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, nếu cứ tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cuộc sống chung của anh chị cũng không có hạnh phúc, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Út là phù hợp với quy định tại điều 56 - Luật HN&GD, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U đối với anh T.

[6]. Về con chung: Chị Đỗ Năm U và anh Lương Anh T có hai con chung là cháu Lương Phương A, sinh ngày 25/11/2008 và cháu Lương Ngọc Á, sinh ngày 16/7/2016. Ly hôn chị U xin được là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu A và cháu Á cho đến khi trưởng thành. Xét đề nghị của chị U về việc xin nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của cháu A và phù hợp với điều kiện thực tế, hiện nay anh T đang phải đi chấp hành án nên không thể có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh Tuấn cũng nhất trí để cho chị U nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao cháu A và cháu Á cho chị U nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không giải quyết.

[8]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

[9]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, chị U phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ vào Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Năm U về việc xin Ly hôn, nuôi con chung.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Năm U được ly hôn anh Lương Anh T.

3. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Năm U là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Phương A, sinh ngày 25/11/2008 và cháu Lương Ngọc Á, sinh ngày 16/7/2016 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lương Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền nghĩa vụ chăm sóc con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

4. Tài sản chung, công nợ chung: Không có.

5. Về Án phí: Chị Đỗ Năm U phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn 300.000đ được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang biên lai số 0000672 ngày 08 tháng 3 năm 2022.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh HG;
- VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- CC THADS TP. H;
- UBND P. N, TP. H;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Thanh Bình